

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miễn nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 25/09/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		SAVR	7:25	17	0		19	0	ec
2		RC3+RP2	7:25	7+12	0+0		6+13	0+0	puma
3		TD3+RP2	7:25	2+20	0+0		0+22	0+0	
4		BK5+P2	7:25	10+12	0+0		7+15	0+0	
5		RC10+TD2+BK3	9:25	4+5+10	0+0+0		4+3+10	0+0+0	MI
6		CTC1	9:25	19	0		19	0	puma
7		BK6+PPD+CLO	9:25	4+13+2	0+0+0		4+7+11	0+0+0	chuyen 1 bk6-PPD
8		CTK3+RP2	9:25	11+8	0+0		7+12	0+0	chuyen 1 RP2-CTK3
9		TD5+P8+P2	11:25	7+1+13	0+0+0		0+5+17	0+0+0	
10		KNT+SAVR	11:25	6+11	0+0		0+19	0+0	ec

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
I/ Đi về trong ngày Rp2-Ing



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/09/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 619	ETD: 07:45
B.CARD: TRANG-1A	TO:SAVR	CREW: HLONG - XTRƯỜNG	ETA: 09:35
VSP FLIGHT: 01		VNHS FLIGHT: TM25/3705	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	FIROV DENIS	SAVR	92-93	2	14			105	AMNGR	Russian
2	KOLODNIKOV ANTON	SAVR	72	1	11			122	AMNGR	Russian
3	TROIANOV DMITRII	SAVR	85	1	10			80	AMNGR	Russian
4	PHẠM HỮU HUAN	SAVR	86	1	12			63	KHOAN	Vietnamese
5	KIRICHENKO K.P.	SAVR	91	1	5			81	KHOAN	Russian
6	NGUYEN ĐANG HUNG	SAVR	87-88	2	16			61	DMC-MI	Vietnamese
7	ĐẶNG VĂN NGHĨA	SAVR	89-90	2	15			82	DMC-MI	Vietnamese
8	KLISHIN SERGEI	SAVR	79	1	15			91	AMNGR	Russian
9	KALMYKOV VLADIMIR	SAVR	77	1	15			115	AMNGR	Russian
10	PRADEDOVICH MIKHAIL	SAVR	74-75	2	14			95	AMNGR	Russian
11	TIMOFEEV ALEKSEI	SAVR	78	1	15			63	AMNGR	Russian
12	DERBASOV ANDREI	SAVR	83-84	2	12			74	AMNGR	Russian
13	PAKHOMOV RAVIL	SAVR	80-81	2	13			111	AMNGR	Russian
14	TAMAZOV MIKHAIL	SAVR	82	1	6			92	AMNGR	Russian
15	SIEEDIN ROMAN	SAVR	70-71	2	13			80	AMNGR	Russian
16	BALDIN ARTEM	SAVR	73	1	15			89	AMNGR	Russian
17	KHISMATULLIN ILSUR	SAVR	76	1	14			80	AMNGR	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	SAVR	17	1.484	24	215	0	0	19		
TOTAL		17	1.484	24	215	0	0	19		
WEIGHT KG			1.484		215		0			

GRAND TOAL: 1.699 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

HOÀNG THỊ THỦY

CREW

ĐINH HOÀNG LONG

HÀ XUÂN TRƯỜNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/09/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 616	ETD: 07:40
B.CARD: VANG-1	TO:RC3 - RP2	CREW: CÔNG - TRÌNH	ETA: 09:30
VSP FLIGHT: 02		VNHS FLIGHT: TM25/3702	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	VŨ LÊ TRUNG	RC3	44	1	5			65	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN HUY HOANG	RC3	36	1	8			90	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN TRỌNG KHOA	RC3	42-43,46	3	15			71	KH-THAC	Vietnamese
4	NGO KHANH NAM	RC3	40-41	2	8			80	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN HAI VIỆT	RC3	45	1	8			91	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM TIẾN DŨNG	RC3	37	1	10			68	CODIEN	Vietnamese
7	TÔ TIẾN HUNG	RC3	38-39	2	15			79	CODIEN	Vietnamese
8	NGUYỄN TRI CHUNG	RP2	45	1	6			55	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN BÌNH LONG	RP2	48	1	10			84	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐINH XUÂN GIANG	RP2	42	1	3			76	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN TRỌNG HOÀNG	RP2	39	1	3			67	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN NGỌC CHÍNH	RP2	43	1	4			75	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAN CÔNG HOÀNG	RP2	40	1	9			65	KH-THAC	Vietnamese
14	LƯU VĂN ĐIỀN	RP2	99,800	2	15			74	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN HÙNG CƯỜNG	RP2	40-41	2	6			88	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN LÊ MINH TUẤN	RP2	44	1	15			95	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM XUÂN KHOA	RP2	49	1	11			65	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN TIẾN THỨC	RP2	51	1	6			80	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RC3	7	544	11	69	0	0	6		
2	RP2	11	824	13	88	0	0	13		
TOTAL		18	1.368	24	157	0	0	19		
WEIGHT KG			1.368		157		0			

GRAND TOAL: 1.525 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN PHƯƠNG ANH

CREW

CAO VĂN CÔNG
TRẦN KHÁNH TRÌNH





FLIGHT MANIFEST



VIETSOVPETRO

DATE: 25/09/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: TD3 - RP2	CREW: KHOAN - TTRUNG - THU	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 03		VNHS FLIGHT: TM25/3708	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	LÊ ĐỨC THO	TD3	500	1	4	3	50	79	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN TUẤN	TD3	96	1	9			65	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN XUÂN	RP2	14	1	6			69	DK9	Vietnamese
4	NGUYỄN DUY HÙNG	RP2	08	1	4			69	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN HỒNG QUANG	RP2	17	1	6			63	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐỖ ĐỨC CƯỜNG	RP2						82	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN THIÊN PHƯỚC	RP2	23	1	7			70	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ TRƯỜNG CHINH	RP2	13	1	6			64	KH-THAC	Vietnamese
9	VŨ HỮU QUÂN	RP2	15	1	6			61	KH-THAC	Vietnamese
10	HỒ ĐỨC LONG	RP2	10	1	5			60	KH-THAC	Vietnamese
11	HOANG TUAN CUONG	RP2	20	1	7			73	KH-THAC	Vietnamese
12	VŨ HOANG CẨM	RP2	07	1	5			63	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN XUÂN HAI	RP2	12	1	4	1	5	67	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VIỆT NHƯÔNG	RP2	19	1	5			57	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN QUANG VINH	RP2	11	1	5			68	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN NGỒN QUANG DUY	RP2	06	1	11			61	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAN ĐỨC NGUYỄN	RP2	16	1	6			60	KH-THAC	Vietnamese
18	LUƠNG NGỌC THANH	RP2	18	1	4			96	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ LAM	RP2	03-04	2	13			65	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN VĂN HỢP	RP2	22	1	7			71	KH-THAC	Vietnamese
21	LÀ NGỌC MẠNH	RP2	05	1	5			63	KH-THAC	Vietnamese
22	LÊ MẠNH HÙNG	RP2	09	1	4			73	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD3	2	144	2	13	3	50	0		
2	RP2	20	1.355	20	116	1	5	22		
TOTAL		22	1.499	22	129	4	55	22		
WEIGHT KG			1.499		129		55			

GRAND TOAL: 1.683 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN
 NGUYỄN THÀNH TRUNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/09/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: BK5 - P2	CREW: LHM - KHAI - DUNG	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 04		VNHS FLIGHT: TM25/3710	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	THAI HAI HA	BK5	85	1	5	3	44	62	KH-THAC	Vietnamese
2	BUI TRAN VIET	BK5	90	1	8			67	KH-THAC	Vietnamese
3	TRAN VAN THUAN	BK5	86	1	6			71	KH-THAC	Vietnamese
4	LE VAN DUONG	BK5	93-94	2	14	2	35	86	XAYLAP	Vietnamese
5	TRAN TUAN ANH	BK5	91-92	2	16			68	XAYLAP	Vietnamese
6	LE TU KHA	BK5	95	1	15			86	XAYLAP	Vietnamese
7	VÔ HOANG LAM	BK5	96-97	2	18			64	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYEN HUU NGHIEM	BK5	84	1	5			58	PSV	Vietnamese
9	PHAM DUY PHUONG	BK5	87-88	2	10			50	TRUONG V	Vietnamese
10	PHAM VAN THANG	BK5	89	1	6			62	TRUONG V	Vietnamese
11	DUBOV A	P2	02	1	6	2	40	95	KH-THAC	Russian
12	DUONG XUAN DIEP	P2	13	1	5			48	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN VAN HONG	P2	14	1	5			64	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAM QUOC HIEN	P2	01	1	4			56	KH-THAC	Vietnamese
15	HOANG MINH DUC	P2	04	1	3			64	KH-THAC	Vietnamese
16	DOAN NGUYEN BAO CHAU	P2	08	1	2			57	KH-THAC	Vietnamese
17	LUONG XUAN THAI	P2	06-07	2	14			72	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAM NGUYEN HOANG PHUC	P2	12	1	4			86	KH-THAC	Vietnamese
19	TRAN TRONG PHONG	P2	09-10	2	13			75	YTE	Vietnamese
20	LE VAN DONG	P2	03	1	2			78	KH-THAC	Vietnamese
21	LUU VAN TU	P2	11	1	3			62	KH-THAC	Vietnamese
22	HO HUU LINH	P2	05	1	5			92	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK5	10	674	14	103	5	79	7		
2	P2	12	849	14	66	2	40	15		
TOTAL		22	1.523	28	169	7	119	22		
WEIGHT KG			1.523		169		119			

GRAND TOAL: 1.811 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

LUU THANH HAI
ĐẶNG QUANG KHAI



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/09/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 10:05
B.CARD: CAM-2	TO: RC10 - TD2 - BK3	CREW: LHM - KHM - DUM	ETA: 11:55
VSP FLIGHT: 05		VNHS FLIGHT: TM25/3706	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYEN TAT THANH	RC10	81	1	6			59	KH-THAC	Vietnamese
2	TA VAN VIET	RC10	82	1	9			79	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAM TRUNG KIEN	RC10						68	KH-THAC	Vietnamese
4	DO MINH THUAN	RC10	79-80	2	14			78	PSV	Vietnamese
5	NGUYEN TAT HOA	TD2						81	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN VAN KHAI	TD2	68	1	7			71	KH-THAC	Vietnamese
7	HOANG SY NGOC	TD2	69	1	5			65	KH-THAC	Vietnamese
8	TRAN THANH SON	TD2	70	1	5			63	KH-THAC	Vietnamese
9	PARSHENTSEV	TD2	71-72	2	12			87	KH-THAC	Russian
10	NGUYEN NGOC MINH	TD2	5000	1	7	1	10	75	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN VINH QUANG	BK3	61	1	7	1	18	74	NAM TIEN	Vietnamese
12	DO NGOC TAM	BK3	54-65	2	19			89	XAYLAP	Vietnamese
13	BUI XUAN NGOC	BK3	48-49	2	15			63	XAYLAP	Vietnamese
14	BUI NGOC THAO	BK3	50	1	10	1	12	64	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYEN BA THANH	BK3	55	1	6	1	19	72	XAYLAP	Vietnamese
16	LE VAN THANG	BK3	52-53	2	17			67	XAYLAP	Vietnamese
17	TRAN MINH TAI	BK3	62	1	15			69	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYEN MANH TAM	BK3	47	1	15			73	XAYLAP	Vietnamese
19	BIEN VAN LUONG	BK3	45-46	2	19			72	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYEN THANH NAM	BK3	63-64	2	10			55	XAYLAP	Vietnamese
21	PHAN VAN HOC	BK3	59	1	6	1	17	60	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RC10	4	284	4	29	0	0	4		
2	TD2	6	442	6	36	1	10	4		
3	BK3	11	758	16	139	4	66	10		
TOTAL		21	1.484	26	204	5	76	18		
WEIGHT KG			1.484		204		76			

GRAND TOAL: 1.764 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

NGUYEN THI MY HANH

CREW

LUU THANH HAI
 ĐẶNG QUANG KHAI



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/09/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 616	ETD: 10:00
B.CARD: TRANG-2	TO: CTC1	CREW: CÔNG - TRINH	ETA: 11:50
VSP FLIGHT: 07		VNHS FLIGHT: TM25/3703	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYỄN TRUNG HIỆU	CTCI	26-27	2	13			80	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN TRỌNG TÂN	CTCI	20-21	2	13			67	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN VĂN LÝ	CTCI	28	1	9	1	26	82	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN TRỌNG TUÂN	CTCI	06	1	8	1	15	83	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI SĨ HIỆU	CTCI	03	1	5	2	30	62	KH-THAC	Vietnamese
6	LƯƠNG XUÂN THÀNH	CTCI	22	1	5			80	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ HOÀNG LONG	CTCI	24	1	12			84	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN TRỌNG MẠNH	CTCI	23	1	12			60	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM BUI ĐÌNH LỘC	CTCI	25	1	8			80	KH-THAC	Vietnamese
10	HOANG NGOC TAN	CTCI	04-05	2	19			64	KH-THAC	Vietnamese
11	VU VIỆT ANH	CTCI	16-17	2	11			70	XAYLAP	Vietnamese
12	HÀ THIÊN HUỆ	CTCI	18-19	2	17			60	XAYLAP	Vietnamese
13	LÊ ĐÌNH QUANG	CTCI	15	1	8			53	XAYLAP	Vietnamese
14	HOANG ĐÌNH LUẬN	CTCI	11-12	2	20			53	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN PHƯƠNG	CTCI	13-14	2	20			66	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN ĐÌNH KỶ	CTCI	10	1	14			66	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN LỘC	CTCI	02	1	10			62	XAYLAP	Vietnamese
18	HÌNH NGỌC GIANG	CTCI	08-09	2	19			65	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CTCI	18	1.237	26	223	4	71	19		
	TOTAL	18	1.237	26	223	4	71	19		
	WEIGHT KG		1.237		223		71			

GRAND TOAL: 1.531 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN PHƯƠNG ANH

CREW

CAO VĂN CÔNG
TRẦN KHÁNH TRINH



Fuel: Pilot



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/09/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
B.CARD: XANH-2	TO: BK6 - PPD - CLO	CREW: KHOAN - TTRUNG - THU	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 07		VNHS FLIGHT: TM25/3709	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	LE NGOC AN	BK6	10	1	9			74	KH-THAC	Vietnamese
2	LE HUY TIEN HAI	BK6	09	1	8	3	45	70	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN CONG THANH	BK6	08	1	7			79	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN VAN PHE	BK6						63	PSV	Vietnamese
5	LE QUANG NINH	PPD						68	KHI	Vietnamese
6	VU VAN HIEU	PPD	93	1	3			65	KH-THAC	Vietnamese
7	LE SINH TAM	PPD	79	1	5			94	KH-THAC	Vietnamese
8	VU NGOC DUNG	PPD	88	1	5			72	KH-THAC	Vietnamese
9	TANG MANH HA	PPD	91	1	7			70	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VAN HIEU	PPD	92	1	8			84	KH-THAC	Vietnamese
11	HA QUANG HUY	PPD	78	1	10			67	CODIEN	Vietnamese
12	NGUYEN VAN DOAN	PPD	84	1	15			100	CODIEN	Vietnamese
13	TRAN DUONG	PPD	80	1	12			66	CODIEN	Vietnamese
14	PHI THANH HONG	PPD	81-82	2	15			67	CODIEN	Vietnamese
15	CAO DANG LOI	PPD	83	1	5			82	CODIEN	Vietnamese
16	LE QUANG HUY	PPD	89-90	2	15			72	CODIEN	Vietnamese
17	NGUYEN MANH HIEN	PPD	86-87	2	19			75	XAYLAP	Vietnamese
18	DAO AN TUAN	PPD	85	1	12			65	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYEN MANH LINH	PPD	94	1	16			80	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYEN BA HAI	CLO	12-14,16	4	18			75	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYEN VAN TUAN	CLO	35	1	9	2	15	73	NHATHAU	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK6	4	286	3	24	3	45	4	4	CHUYEN 1 PAX BK6-PPD
2	PPD	15	1.127	17	147	0	0	7		
3	CLO	2	148	5	27	2	15	11		
TOTAL		21	1.561	25	198	5	60	22		
WEIGHT KG			1.561		198		60			

GRAND TOAL: 1.819 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐINH THỊ HOA

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN
NGUYỄN THÀNH TRUNG





FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/09/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 619	ETD: 09:55
B.CARD: VANG-2	TO:CTK3 - RP2	CREW: HLONG - XTRƯỜNG	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 08		VNHS FLIGHT: TM25/3711	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	HA MINH GIANG	CTK3	41	1	3	2	30	73	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN VAN CUONG	CTK3	46-47	2	16			57	BIEN DONG	Vietnamese
3	PHAM VAN LUONG	CTK3	48	1	8			60	BIEN DONG	Vietnamese
4	NGUYEN DUC NINH	CTK3	50-51	2	19			70	BIEN DONG	Vietnamese
5	HOANG BA PHUONG	CTK3	43	1	13			64	BIEN DONG	Vietnamese
6	THIEU DINH TRUNG	CTK3	40	1	8			63	BIEN DONG	Vietnamese
7	NGUYEN QUANG VINH	CTK3	49	1	7			65	BIEN DONG	Vietnamese
8	TRANG NGOC HAI	CTK3	42	1	13			66	BIEN DONG	Vietnamese
9	DOAN VIET ANH	CTK3	44	1	3			70	PSV	Vietnamese
10	NGUYEN VAN BIEN	CTK3	45	1	5			74	PSV	Vietnamese
11	NGUYEN MAI SON	CTK3				3	17	73	SBAY	Vietnamese
12	HOANG VIET ANH	RP2	83	1	7			67	PSV	Vietnamese
13	VU VAN TUAN TU	RP2	81-82	2	8			71	PSV	Vietnamese
14	TRAN HUU VIET	RP2	79	1	3			68	PSV	Vietnamese
15	SHEREMETIEV A.V.	RP2	52	1	8			80	D-HANH	Russian
16	TRAN DINH DAI	RP2	80	1	4			66	D-HANH	Vietnamese
17	NGUYEN TAN PHONG	RP2	84	1	10			61	KH-THAC	Vietnamese
18	VU VAN MANH	RP2	85	1	3			74	KH-THAC	Vietnamese
19	BUI KHAC HOANG	RP2	86	1	7	1	15	61	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CTK3	11	735	12	95	5	47	7 + 1	CHUYEN 1 PAX CTK3-RP2	
2	RP2	8	548	9	50	1	15	12		
TOTAL		19	1.283	21	145	6	62	19		
WEIGHT KG			1.283		145		62			

GRAND TOAL: 1.490 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THÚY ANH

CREW

ĐINH HOÀNG LONG

HÀ XUÂN TRƯỜNG

Fuel: 1600 kg (Đạt 0940)



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/09/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 12:15
B.CARD: CAM-3	TO: TD5 - P8 - P2	CREW: LHAI - KHAI - DUNG	ETA: 14:05
VSP FLIGHT: 09		VNHS FLIGHT: TM25/3712	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	KIEU TUAN ANH	TD5	50-51	2	11	2	30	86	DVL	Vietnamese
2	TRAN VAN NGHIA	TD5	52	1	17			82	DVL	Vietnamese
3	NGUYEN VAN THU	TD5	47	1	14			65	DVL	Vietnamese
4	VU VAN NAM	TD5	45	1	14			73	DVL	Vietnamese
5	NGUYEN HUU VIET	TD5	48	1	16			62	DVL	Vietnamese
6	TRAN VAN THUAT	TD5	49	1	15	2	19	77	DVL	Vietnamese
7	DO THANH TIEN	TD5	46	1	12			80	DVL	Vietnamese
8	DINH QUANG TRUNG	P8	53	1	8	1	7	70	KH-THAC	Vietnamese
9	TRAC DUC HUY	P2	83	1	6	1	20	68	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN XUAN PHONG	P2	71	1	7			58	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN HUU HA	P2	76	1	9			49	KH-THAC	Vietnamese
12	K LING	P2	70	1	6			68	KH-THAC	Vietnamese
13	TRAN DAI NGHIA	P2	81	1	4			68	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAM VAN QUYEN	P2	75	1	4			67	KH-THAC	Vietnamese
15	LE VAN VUONG	P2	74	1	6			74	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN NGOC DU	P2	77	1	4			67	KH-THAC	Vietnamese
17	DOAN KHAC CAN	P2	72	1	10			66	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAM NGUYEN HAI NINH	P2	78	1	5			86	KH-THAC	Vietnamese
19	BUI THO DUNG	P2	73	1	4			59	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN VAN KIEU	P2	79-80	2	14			68	BIEN DONG	Vietnamese
21	TRAN VAN HUNG	P2	82	1	14			71	BIEN DONG	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD5	7	525	8	99	4	49	0		
2	P8	1	70	1	8	1	7	5		
3	P2	13	869	14	93	1	20	17		
TOTAL		21	1.464	23	200	6	76	22		
WEIGHT KG			1.464		200		76			

GRAND TOAL: 1.740 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

DANG THUY ANH

CREW

LUU THANH HAI
DANG QUANG KHAI



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/09/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 619	ETD: 12:25
B.CARD: VANG-3	TO:KNT - SAVR	CREW: LTUÂN - VUÔNG	ETA: 14:15
VSP FLIGHT: 10		VNHS FLIGHT: TM25/3707	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYEN KHAC NGOC	KNT	23	1	10			78	XAYLAP	Vietnamese
2	LE XUAN HIEN	KNT	26-27	2	19	3	30	60	XAYLAP	Vietnamese
3	DAO NGUYEN DU MAC	KNT	28-29	2	19			65	XAYLAP	Vietnamese
4	BUI QUANG ANH	KNT	21	1	14			65	XAYLAP	Vietnamese
5	TRAN VAN VIET	KNT	19-20	2	19			67	XAYLAP	Vietnamese
6	DO VAN TUNG	KNT	30-31	2	19			57	NHATHAU	Vietnamese
7	UMERBAEV RINAT	SAVR	85-86	2	9			78	AMNGR	Russian
8	NGUYEN VAN HUNG	SAVR	83	1	6			67	MINHMINH	Vietnamese
9	NGUYEN VAN DUNG	SAVR	84	1	6			58	MINHMINH	Vietnamese
10	THAI HUU MINH	SAVR	80	1	8			101	MINHMINH	Vietnamese
11	NGUYEN HOANG ANH DUNG	SAVR	69-70	2	18			69	DVL	Vietnamese
12	PHAM QUOC MINH	SAVR	78-79	2	18			82	DVL	Vietnamese
13	DUONG QUOC PHONG	SAVR	74-75	2	12			82	DVL	Vietnamese
14	HO PHUOC THINH	SAVR	71-73	3	19			81	DVL	Vietnamese
15	SATRIA WIBISANA	SAVR	68	1	18			86	BAKER HUC	Indonesian
16	MUHAMMAD BIN ISMAIL	SAVR	76-77	2	19			87	BAKER HUC	Myanmar
17	NGUYEN MINH VU	SAVR	81-82	2	19			77	BAKER HUC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	KNT	6	392	10	100	3	30	0		
2	SAVR	11	868	19	152	0	0	19		
TOTAL		17	1.260	29	252	3	30	19		
WEIGHT KG			1.260		252		30			

GRAND TOAL: 1.542 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐINH THỊ HOA

CREW

LƯƠNG MẠNH TUÂN

TRẦN HÙNG VƯƠNG